

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 6179/08-25

Mã mẫu: 2508NC046 (019/08-25) Trang : 1/1

Đơn vị yêu cầu

: XÍ NGHIỆP CẤP NƯỚC - CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ KHAI THÁC
DỊCH VỤ THỦY LỢI TP.HCM

Địa chỉ lấy mẫu

: TRẠM CẤP NƯỚC KCN TÂY BẮC CỬ CHI
Phan Văn Khải, ấp Trạm Bom, xã Cù Chi, Thành Phố Hồ Chí Minh

Ngày lấy (nhận) mẫu

: 05/08/2025 Ngày trả kết quả: 12/08/2025

Thời gian lưu mẫu

: 5 ngày kể từ ngày trả kết quả

Loại mẫu

: Nước cấp

Mô tả mẫu

: Nước trong

Điều kiện lấy mẫu

: Trời nắng, các hoạt động bình thường

Ký hiệu / vị trí lấy mẫu

: NC1 Lấy tại đầu mạng lưới phân phối nước

STT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp Phân tích	Kết quả	QCVN 01-1:2024/BYT
1	pH ^(b)	-	TCVN 6492:2011	6,81	6,0-8,5
2	Mùi	-	TCVN 2653:1978	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi lạ
3	Độ đục ^(b)	NTU	SMEWW 2130.B:2023	0,0	2
4	Độ màu ^(b)	Pt-Co	SMEWW 2120.C:2023	KPH MDL=5,0	15
5	Độ kiềm (tính theo CaCO ₃) ^(c)	mg/L	SMEWW 2320 B: 2023	17,5	-
6	Clo dư ^(b)	mg/L	TCVN 6225-3:2011	0,50	0,2-1,0
7	Chỉ số KMnO ₄ ^(b)	mg/L	TCVN 6186:1996	KPH MDL=0,5	2
8	NH ₄ ⁺ (tính theo N) ^(b)	mg/L	TCVN 6179-1:1996	KPH MDL=0,03	1
9	Asen (As) ^(b)	mg/L	SMEWW 3114.B:2023	KPH MDL=0,0007	0,01
10	E.coli ^(b)	CFU/100mL	TCVN 6187-1:2019 (ISO 9308-1:2014)	KPH MDL=1	<1
11	Coliform ^(b)	CFU/100mL	TCVN 6187-1:2019 (ISO 9308-1:2014)	KPH MDL=1	<1

Ghi Chú:

KPH: Không phát hiện (<MDL)

MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp

QCVN 01-1:2024/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

(a): Thông số đã được Bộ tài nguyên và Môi trường công nhận

(b): Thông số đã được ISO/IEC 17025:2017 công nhận

(c): Thông số gửi nhà thầu phụ

PHÒNG THỬ NGHIỆM
Trưởng phòng

HOÀNG VĂN NAM



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 6180/08-25

Mã mẫu: 2508NC047 (019/08-25) Trang : 1/1

Đơn vị yêu cầu

: XÍ NGHIỆP CẤP NƯỚC - CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ KHAI THÁC
DỊCH VỤ THUỶ LỢI TP.HCM

Địa chỉ lấy mẫu

: TRẠM CẤP NƯỚC KCN TÂY BẮC CỬ CHI
Phan Văn Khải, ấp Trạm Bom, xã Củ Chi, Thành Phố Hồ Chí Minh

Ngày lấy (nhận) mẫu

: 05/08/2025 Ngày trả kết quả: 12/08/2025

Thời gian lưu mẫu

: 5 ngày kể từ ngày trả kết quả

Loại mẫu

: Nước cấp

Mô tả mẫu

: Nước trong

Điều kiện lấy mẫu

: Trời nắng, các hoạt động bình thường

Ký hiệu / vị trí lấy mẫu

: NC2 Lấy tại giữa mạng lưới phân phối nước

STT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp Phân tích	Kết quả	QCVN 01-1:2024/BYT
1	pH ^(b)	-	TCVN 6492:2011	7,00	6,0-8,5
2	Mùi ^(*)	-	TCVN 2653:1978	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi lạ
3	Độ đục ^(b)	NTU	SMEWW 2130.B:2023	0,0	2
4	Độ màu ^(b)	Pt-Co	SMEWW 2120.C:2023	KPH MDL=5,0	15
5	Độ kiềm (tính theo CaCO ₃) ^(c)	mg/L	SMEWW 2320 B: 2023	22,8	-
6	Clo dư ^(b)	mg/L	TCVN 6225-3:2011	0,42	0,2-1,0
7	Chỉ số KMnO ₄ ^(b)	mg/L	TCVN 6186:1996	KPH MDL=0,5	2
8	NH ₄ ⁺ (tính theo N) ^(b)	mg/L	TCVN 6179-1:1996	KPH MDL=0,03	1
9	Asen (As) ^(b)	mg/L	SMEWW 3114.B:2023	KPH MDL=0,0007	0,01
10	E.coli ^(b)	CFU/100mL	TCVN 6187-1:2019 (ISO 9308-1:2014)	KPH MDL=1	<1
11	Coliform ^(b)	CFU/100mL	TCVN 6187-1:2019 (ISO 9308-1:2014)	KPH MDL=1	<1

Ghi Chú:

KPH: Không phát hiện (<MDL)

MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp

QCVN 01-1:2024/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

(a): Thông số đã được Bộ tài nguyên và Môi trường công nhận

(b): Thông số đã được ISO/IEC 17025:2017 công nhận

(c): Thông số gửi nhà thầu phụ

PHÒNG THỬ NGHIỆM

Trưởng phòng

HOÀNG VĂN NAM



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 6181/08-25

Mã mẫu: 2508NC048 (019/08-25) Trang: 1/1

Đơn vị yêu cầu

: XÍ NGHIỆP CẤP NƯỚC - CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ KHAI THÁC
DỊCH VỤ THUỶ LỢI TP.HCM

Địa chỉ lấy mẫu

: TRẠM CẤP NƯỚC KCN TÂY BẮC CỬ CHI
Phan Văn Khải, ấp Trạm Bom, xã Củ Chi, Thành Phố Hồ Chí Minh

Ngày lấy (nhận) mẫu

: 05/08/2025 Ngày trả kết quả: 12/08/2025

Thời gian lưu mẫu

: 5 ngày kể từ ngày trả kết quả

Loại mẫu

: Nước cấp

Mô tả mẫu

: Nước trong

Điều kiện lấy mẫu

: Trời nắng, các hoạt động bình thường

Ký hiệu / vị trí lấy mẫu

: NC3 Lấy tại cuối mạng lưới phân phối nước

STT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp Phân tích	Kết quả	QCVN 01-1:2024/BYT
1	pH ^(b)	-	TCVN 6492:2011	7,11	6,0-8,5
2	Mùi ^(*)	-	TCVN 2653:1978	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi lạ
3	Độ đục ^(b)	NTU	SMEWW 2130.B:2023	0,0	2
4	Độ màu ^(b)	Pt-Co	SMEWW 2120.C:2023	KPH MDL=5,0	15
5	Độ kiềm (tính theo CaCO ₃) ^(c)	mg/L	SMEWW 2320 B: 2023	17,3	-
6	Clo dư ^(b)	mg/L	TCVN 6225-3:2011	0,40	0,2-1,0
7	Chỉ số KMnO ₄ ^(b)	mg/L	TCVN 6186:1996	KPH MDL=0,5	2
8	NH ₄ ⁺ (tính theo N) ^(b)	mg/L	TCVN 6179-1:1996	KPH MDL=0,03	1
9	Asen (As) ^(b)	mg/L	SMEWW 3114.B:2023	KPH MDL=0,0007	0,01
10	E.coli ^(b)	CFU/100mL	TCVN 6187-1:2019 (ISO 9308-1:2014)	KPH MDL=1	<1
11	Coliform ^(b)	CFU/100mL	TCVN 6187-1:2019 (ISO 9308-1:2014)	KPH MDL=1	<1

Ghi Chú:

KPH: Không phát hiện (<MDL)
MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp
QCVN 01-1:2024/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

(a): Thông số đã được Bộ tài nguyên và Môi trường công nhận
(b): Thông số đã được ISO/IEC 17025:2017 công nhận
(c): Thông số gửi nhà thầu phụ

PHÒNG THỬ NGHIỆM
Trưởng phòng

HOÀNG VĂN NAM

KT. GIÁM ĐỐC
Phó Giám đốc
MÔI TRƯỜNG VÀ
SINH THÁI
ỨNG DỤNG
HOÀNG VĂN TÍN